

**HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI RAGLAI Ở KHÁNH HÒA:  
TỪ MẪU HỆ TRUYỀN THỐNG ĐẾN  
XU HƯỚNG LƯỞNG HỢP**

**TRẦN MINH ĐỨC\***  
**TRẦN DŨNG\*\***

*Bài viết phân tích quá trình chuyển đổi trong cấu trúc hôn nhân của người Raglai ở Khánh Hòa – một cộng đồng tiêu biểu của xã hội mẫu hệ Nam Trung Bộ. Dựa trên phương pháp định tính và điền dã dân tộc học, kết hợp tư liệu thứ cấp, nghiên cứu vận dụng lý thuyết cấu trúc - chức năng và quan điểm giới trong hệ mẫu hệ để giải thích sự biến đổi hôn nhân trong bối cảnh hiện nay. Kết quả cho thấy, hôn nhân của người Raglai đang dịch chuyển từ mô hình mẫu hệ truyền thống sang xu hướng “lưỡng hợp”, – quyền ra quyết định liên quan đến gia đình, kinh tế có xu hướng được chia sẻ hơn giữa hai giới.*

*Từ khóa:* Raglai, hôn nhân, mẫu hệ, lưỡng hợp, biến đổi văn hóa, Khánh Hòa

*Nhận bài ngày:* 23/10/2025; *đưa vào biên tập:* 25/10/2025; *phản biện:* 03/12/2025; *duyet đăng:* 12/01/2026

**1. DẪN NHẬP**

Người Raglai là một trong những tộc người thuộc ngữ hệ Nam Đảo (Malayo-Polynésien), cư trú lâu đời ở vùng núi phía tây tỉnh Khánh Hòa và một phần tỉnh Lâm Đồng. Trong cấu trúc xã hội truyền thống, người Raglai theo chế độ mẫu hệ, thể hiện qua quan hệ huyết thống theo dòng mẹ,

con gái được thừa kế tài sản và là người chủ động trong hôn nhân. Mô hình này phản ánh hệ giá trị xã hội đặc trưng, trong đó phụ nữ giữ vị thế trung tâm trong gia đình và cộng đồng. Tuy nhiên, cùng với quá trình giao lưu văn hóa, mở rộng giáo dục và tác động của các chính sách phát triển, hôn nhân mẫu hệ truyền thống của người Raglai đang tiếp biến và chuyển hóa. Các yếu tố mang sắc thái phụ hệ – như quyền quyết định ngày càng lớn của người chồng, xu hướng thiết lập gia đình riêng sau kết hôn và

\* Trường Đại học Thủ Dầu Một.

\*\* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

sự gia tăng vai trò của nhà trai trong nghi lễ cưới – trở nên rõ nét hơn. Những thay đổi này thể hiện ở cả tầng nghi lễ (hình thức cưới, sính lễ, vai trò ông mai) lẫn tầng cấu trúc xã hội (quan niệm, quyền lực giới, tổ chức gia đình), dẫn tới sự hình thành mô hình “lưỡng hợp” dung hòa giữa hai hệ giá trị mẫu hệ và phụ hệ.

Mặc dù một số công trình của các tác giả như Vũ Lợi (1992), Ngô Văn Doanh (2001), Phan Quốc Anh (2007), Trần Dũng (2011)..., đã đề cập đến văn hóa Raglai và đặc trưng chế độ mẫu hệ, nhưng cho đến nay vẫn thiếu những nghiên cứu phân tích một cách hệ thống quá trình chuyển đổi cấu trúc hôn nhân và gia đình Raglai tại địa bàn Khánh Hòa. Việc tìm hiểu sự thay đổi hôn nhân của người Raglai vì vậy không chỉ bổ sung khoảng trống học thuật, mà còn giúp nhận diện cơ chế thích ứng văn hóa của tộc người này trong bối cảnh hội nhập và hiện đại hóa.

Từ dữ liệu điền dã (phỏng vấn sâu, quan sát tham dự) các năm 2023-2024 tại bốn xã: Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, Thuận Bắc, Ninh Sơn tỉnh Khánh hòa và phân tích tư liệu thứ cấp, bài viết: (1) Mô tả đặc trưng của hôn nhân truyền thống người Raglai trong khuôn khổ mẫu hệ; (2) Phân tích những biến đổi trong quan niệm, nghi lễ và cấu trúc hôn nhân hiện nay; (3) Lý giải cơ chế, ý nghĩa văn hóa - xã hội của sự chuyển dịch từ mẫu hệ sang mô hình “lưỡng hợp” ở người Raglai hiện nay, với mong muốn cung

cấp cơ sở thực tiễn cho công tác bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của người Raglai ở Nam Trung Bộ.

## **2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **2.1. Cơ sở lý thuyết**

*Lý thuyết cấu trúc - chức năng:* Theo Radcliffe-Brown và Malinowski, hôn nhân là một thiết chế xã hội có vai trò duy trì trật tự xã hội, tái sản xuất, phân chia vai trò giới và liên kết quan hệ họ hàng. Vận dụng vào sự biến đổi hôn nhân và gia đình của người Raglai, từ mẫu hệ truyền thống sang hình thức lưỡng hợp. Một quá trình điều chỉnh nội sinh của thiết chế hôn nhân, trong đó các nguyên tắc mẫu hệ không còn đủ bao trùm các quan hệ kinh tế, vai trò giới và tổ chức gia đình trong bối cảnh xã hội mới, dẫn tới sự hình thành một cấu trúc dung hòa giữa truyền thống và các yêu cầu thích nghi hiện nay.

*Lý thuyết về giới và quyền lực trong xã hội mẫu hệ:* Theo Friedrich Engels (1884) và Lévi-Strauss (1969), mẫu hệ là nguyên tắc tổ chức xã hội dựa trên huyết thống và cư trú theo dòng mẹ, không đồng nhất với mẫu quyền - vốn hàm ý sự chi phối xã hội trực tiếp của phụ nữ. Trong mô tả kinh điển của Dournes, mẫu hệ được đặt trên nền tảng vai trò trung tâm của dòng mẹ trong tổ chức xã hội; trong đó phụ nữ được xem là “rường cột” và “nội giới” của cộng đồng, từ đó gợi mở sắc thái mẫu quyền (Dournes, 2006). Trường hợp người Raglai, cách tiếp cận này

cho phép hiểu sự chuyển dịch từ mẫu hệ truyền thống sang hình thức lưỡng hợp như một quá trình tái phân bố quyền lực giới trong bối cảnh xã hội mới.

Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu nhân học (Firth, 1965; Goody, 1971; Murdock, 1967) đã chỉ ra rằng các xã hội mẫu hệ không bao giờ tồn tại như một hình thức mẫu quyền tuyệt đối, ngược lại, nam giới vẫn giữ vai trò then chốt trong nghi lễ, lao động và quan hệ đối ngoại quan trọng của cộng đồng. Nhận định này phù hợp với cộng đồng người Raglai: dù con mang họ mẹ, cư trú hậu hôn bên nhà vợ và sinh lễ do dòng mẹ chủ trì, nam giới vẫn giữ vị trí chủ đạo trong lao động sản xuất, nghi lễ và các mối quan hệ xã hội. Đặc biệt trong giai đoạn tiền hôn nhân, người đàn ông chủ động tìm hiểu, ngõ lời, sang nhà gái dạm hỏi và tham gia chuẩn bị sinh lễ, cho thấy quyền lực trong thực hành hôn nhân không tập trung tuyệt đối vào phía phụ nữ mà được phân bổ và chia sẻ giữa hai giới. Trên cơ sở đó, hôn nhân lưỡng hợp ở người Raglai có thể được hiểu như một quá trình hình thành mô hình hôn nhân lưỡng hợp, tức là sự song hành và điều chỉnh giữa các nguyên tắc tổ chức truyền thống (dòng mẹ, cư trú, nghi lễ) và các thực hành xã hội, kinh tế và giới trong bối cảnh hiện nay. Chính sự song hành này tạo nên một cấu trúc linh hoạt, cho phép thiết chế hôn nhân của người Raglai vừa duy trì tính liên tục văn hóa, vừa thích nghi với các điều kiện xã hội mới.

## 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai theo hướng tiếp cận nhân học xã hội, sử dụng phương pháp định tính, kết hợp giữa điền dã thực địa, phỏng vấn sâu, quan sát tham dự và phân tích tư liệu thứ cấp. Cách tiếp cận này cho phép nhận diện cả chiều sâu văn hóa truyền thống lẫn những xu hướng biến đổi đang diễn ra trong thực hành hôn nhân người Raglai.

Địa bàn và đối tượng nghiên cứu: Điền dã được thực hiện tại bốn xã người Raglai thuộc tỉnh Khánh Hòa (2023-2024), gồm xã Khánh Vĩnh, Khánh Sơn, Ninh Sơn và Thuận Bắc. Đây là những địa bàn có sự đại diện tương đối cho các nhóm người Raglai về không gian cư trú và mức độ biến đổi kinh tế - xã hội, qua đó phản ánh những khác biệt trong đời sống hôn nhân và gia đình của người Raglai hiện nay; đồng thời nghiên cứu thực hiện 25 phỏng vấn sâu với già làng, ông mai, cặp vợ chồng trẻ, cán bộ xã và thanh niên, cùng thảo luận nhóm với phụ nữ và thanh niên để tìm hiểu quan niệm chọn bạn đời, nghi lễ cưới và vai trò giới.

Song song đó, bài viết đối chiếu dữ liệu thực địa với các nghiên cứu về luật tục và văn hóa mẫu hệ của người Êđê, Raglai và Chăm. Các dữ liệu được xử lý bằng phân tích - tổng hợp và so sánh liên văn hóa nhằm nhận diện những yếu tố ổn định và biến đổi trong hôn nhân của người Raglai, cũng như sự hình thành mô hình “lưỡng hợp” trong bối cảnh đương đại.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Cấu trúc hôn nhân mẫu hệ truyền thống của người Raglai

Trong xã hội truyền thống của người Raglai, hôn nhân là thiết chế trung tâm duy trì huyết thống, tài sản và trật tự cộng đồng. Không chỉ là sự gắn kết giữa hai cá nhân, hôn nhân còn biểu trưng cho liên kết thiêng liêng giữa hai dòng họ, được điều chỉnh bởi giá trị mẫu hệ và luật tục cổ truyền. Các yếu tố như quan niệm, tiêu chí chọn bạn đời, vai trò giới và nghi lễ cưới hỏi phản ánh sâu sắc thế giới quan và cơ chế xã hội của người Raglai, đồng thời cho thấy xu hướng chuyển đổi từ luật tục mẫu hệ sang hình thức lưỡng hợp hiện nay.

##### 3.1.1. Quan niệm và tiêu chí chọn bạn đời

Trong quan niệm truyền thống của người Raglai, hôn nhân không chỉ là sự kiện cá nhân mà còn đánh dấu sự trưởng thành và gắn kết hai dòng họ. Tục ngữ có câu: “Joc sudiq buh vusac buh còh gadha hudiq vujeh jaròc” – “Có vợ có chồng là có sự sống của giống nòi” (Phan Đăng Nhật, 2003). Điều này phản ánh ý nghĩa xã hội – huyết thống của hôn nhân trong cộng đồng.

Người Raglai có những câu tục ngữ như “*Anaq lacoi còh anaq urac*” (“Con trai là con của nhà người ta”) và “*Anaq lacoi pavloi gajiq nău boc si dòq sàc sudiq*” (“Người con trai bán mình cho nhà vợ”) (Phan Đăng Nhật, 2003), qua đó phản ánh rõ quy tắc

huyết thống và cư trú của hôn nhân mẫu hệ: sau khi kết hôn, người đàn ông về ở rể, trở thành thành viên của dòng họ mẹ và gánh vác trách nhiệm chăm lo kinh tế, nuôi con và phụng dưỡng cha mẹ vợ, đồng thời cho thấy vị thế và “thân phận” xã hội đặc thù của nam giới trong cấu trúc hôn nhân truyền thống.

Tiêu chí chọn bạn đời gắn với phẩm chất đạo đức và năng lực lao động hơn là tài sản. Phụ nữ người Raglai đề cao sự chăm chỉ, khỏe mạnh, khả năng làm rẫy và săn bắt. Bà Cao Thị H. (65 tuổi, Giang Mương) chia sẻ: “*Hồi xưa, con gái để ý người đàn ông siêng làm rẫy, giỏi săn bắt. Đẹp trai hay xấu không quan trọng, miễn là biết làm ăn*”.

Ngược lại, đàn ông người Raglai chọn vợ dựa vào tính tình hiền lành, đảm đang, khéo léo, như tục ngữ:

*Cười ha hả bôi trét cán chà gạo.*

*Cười mủm mím giãi tay làm ăn.*

Trong hôn nhân của người Raglai có sự dung hòa giữa trao đổi vật chất và giá trị biểu trưng. Trong lễ hỏi, nhà trai mang “Thoc pàq, sanraq lumã” (dao bốn, giáo năm) – biểu trưng cho danh dự và năng lực lao động của người đàn ông. Đến lễ cưới, nhà gái trao lại vải dệt, chuỗi cườm, vòng bạc hoặc đồng, và trong một số trường hợp giàu có, còn có mã la hoặc gia súc. Dù có sự chênh lệch giá trị, việc trao - nhận sính lễ không mang tính mua bán mà diễn ra theo nguyên tắc tương xứng và biểu trưng, nhấn mạnh trách nhiệm của hai họ và sự đón nhận

người rể vào dòng mẹ. So với một số tộc người mẫu hệ khác, cách thức này cho thấy sự khác biệt của người Raglai. Ở người Êđê và Cơho, nhà gái đảm nhận phần sính lễ lớn trong nghi thức “mua rể”. Georges Condominas (2020: 3) cho biết: “Ở người anak Ê-đê, chính phụ nữ là người ‘mua’ (ruất) đàn ông”. Trong khi đó, ở người Raglai, trao đổi sính lễ mang tính cân bằng và biểu trưng hơn, phản ánh quan niệm chọn bạn đời dựa trên phẩm chất cá nhân hơn là giá trị vật chất thuần túy. Nhìn chung, các tiêu chí này tạo nền tảng cho việc hình thành những quy ước hôn nhân và vai trò giới trong cấu trúc hôn nhân mẫu hệ của người Raglai.

### **3.1.2. Luật tục và vai trò giới trong hôn nhân**

Trong xã hội truyền thống của người Raglai, hôn nhân chịu sự chi phối chặt chẽ của luật tục và quan niệm thiêng liêng về huyết thống, được phản ánh qua câu nói dân gian:

*Taq cayou mũ caih pajioc gưi sàc,  
Mãq gưq ràc pajioc gưi droi.*

(Chặt cây trên rừng biến thành cột nhà, Bắt người ta về biến thành người của mình) (Nguyễn Thế Sang, 2005). Câu nói này hàm ý rằng hôn nhân là sự gắn kết bền vững giữa hai cá nhân và hai dòng họ, được cộng đồng thừa nhận và bảo trợ, đồng thời phải tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc luật tục.

Theo luật tục của người Raglai, nguyên tắc ngoại hôn dòng họ được

thực thi nghiêm ngặt: những người cùng họ chưa quá bảy đời hoặc có quan hệ huyết thống gần (con cô - con cậu, cha mẹ nuôi - con nuôi, con riêng của vợ/chồng) đều bị cấm kết hôn. Vi phạm bị xem là loạn luân, xúc phạm tổ tiên và thần linh, kéo theo các hình thức xử phạt mang tính nghi lễ và cộng đồng. *“Làng tôi xưa ai lấy người cùng họ là bị làng xử phạt nặng, vì tổ tiên không cho phép. Phải làm lễ xin lỗi ông bà tổ tiên”* (PVS. ông Cao X., 78 tuổi, già làng Khánh Bình, xã Khánh Vĩnh). Theo luật tục của người Raglai: *“Nếu phạm tội loạn luân, làng sẽ phạt nặng: gia đình đôi trai gái phải nộp một con trâu, một con lợn, một cặp gà và năm ché rượu để làm lễ tạ tội với tổ tiên và thần linh. Tùy mức độ vi phạm, làng có thể cho phép kết hôn nhưng chỉ được làm đám cưới phạt, hoặc cấm hoàn toàn”* (PVS. ông Mầu Văn T., 57 tuổi, cán bộ xã Khánh Sơn).

Hôn nhân của người Raglai thực hiện theo chế độ một vợ một chồng, đề cao tình yêu, sự thủy chung và trách nhiệm. Các tội như ngoại tình, dụ dỗ, thông dâm sẽ bị xử phạt nghiêm, vì bị xem là làm ô uế danh dự dòng họ. Những quy định này thể hiện vai trò kiểm soát xã hội của luật tục, góp phần duy trì trật tự đạo đức và sự cố kết cộng đồng. *“Trước đây, nếu chồng tự ý bỏ vợ, phải bồi thường cho nhà gái một mặt mã la, một nồi đồng, một con trâu; nếu vợ tự ý bỏ chồng, mức bồi thường cao hơn; nếu người chồng mất tích quá ba năm, người vợ mới được phép tái giá”* (PVS. bà Cao Thị M., 77 tuổi, xã Khánh Sơn).

Liên quan đến hủy hôn ước, luật tục của người Raglai quy định rõ chế tài: nếu nhà trai đơn phương từ hôn, sính lễ đã trao không được nhận lại; nếu nhà gái hủy hôn, phải hoàn lại gấp đôi sính lễ. Tuy nhiên, theo người dân và thanh niên tại các xã Thuận Bắc, Ninh Sơn, các quy định này hiện nay chủ yếu được nhìn nhận như chuẩn mực đạo đức hơn là nghĩa vụ bắt buộc; trong thực tế, hai gia đình thường thương lượng lại mức sính lễ để “giữ hòa khí”, thay vì áp dụng cứng nhắc luật tục (trích thảo luận nhóm xã Thuận Bắc, 2023).

So sánh với các tộc người mẫu hệ khác cho thấy luật tục hôn nhân của người Raglai mang tính dung hòa hơn. Ở người Êđê, vi phạm hôn nhân, đặc biệt là loạn luân, có thể dẫn tới việc bị khai trừ khỏi buôn và không được tham dự các lễ cúng của làng (Trương Bi, 2007). Trong khi đó, người Chăm Ahiêr coi hôn nhân như một “giao ước thiêng giữa hai dòng họ mẫu hệ, gần như không thể phá vỡ” (Phan Quốc Anh, 2010). Ngược lại, luật tục của người Raglai cho phép thương lượng và tái hòa nhập sau vi phạm nếu được cộng đồng chấp thuận.

Ngoài ra, người Raglai không duy trì tục ‘nối dây’ (chuê nuê) – tức hình thức tái hôn bắt buộc trong phạm vi dòng họ nhằm duy trì quan hệ hôn nhân và huyết thống – như ở một số tộc người mẫu hệ khác. Điều này khác với người Êđê và Raglai, nơi khi một trong hai vợ chồng qua đời, người còn lại có thể tiếp tục ở trong

gia đình vợ/chồng cũ hoặc tái giá với anh em chồng - chị em vợ; trong một số trường hợp, tục nối dây còn được mở rộng sang các thế hệ khác nhau để “giữ lửa bếp nhà” (Lê Văn Kỳ, 2007; Nguyễn Văn Thắng, 2017).

Lĩnh vực xã hội, luật tục hôn nhân người Raglai phản ánh sự phân bổ vai trò giới theo hình thức mẫu hệ mềm. Phụ nữ và dòng họ mẹ giữ vị thế trung tâm trong các quyết định liên quan đến hôn nhân như tổ chức cưới hỏi và cư trú hậu hôn; trong khi đó, nam giới vẫn giữ vai trò quan trọng trong các lĩnh vực nghi lễ, lao động và quan hệ đối ngoại của gia đình. Sự phân công này cho thấy quyền lực giới trong hôn nhân của người Raglai không tập trung tuyệt đối vào một phía mà được tổ chức theo hướng tương hỗ và bổ trợ.

Dưới góc nhìn lý thuyết về giới và quyền lực trong các xã hội mẫu hệ (Engels, 1884; Lévi-Strauss, 1969), những đặc điểm trên cho thấy trật tự hôn nhân của người Raglai là sự đồng tồn tại giữa nguyên tắc mẫu hệ và các yếu tố phụ hệ, tạo nền tảng cho cấu trúc hôn nhân lưỡng hợp trong bối cảnh xã hội đương đại.

Như vậy, qua các tư liệu và phản ánh thu thập tại địa bàn nghiên cứu, có thể thấy luật tục và vai trò giới đã chi phối tiến trình hôn nhân của người Raglai thông qua các quy định về ngoại hôn dòng họ, chế tài vi phạm, ly hôn và hủy hôn ước. Những chuẩn mực này không chỉ được phản ánh qua lời kể và thực hành xã hội, mà còn được thể

hiện trong các nghi lễ cưới hỏi và hình thức cư trú hậu hôn, qua đó cho thấy mối liên hệ giữa tính thiêng, cấu trúc xã hội và các giá trị văn hóa của người Raglai.

### **3.1.3. Nghi lễ cưới hỏi và cấu trúc gia đình truyền thống**

Nếu luật tục hôn nhân quy định khung pháp tục cho việc kết đôi, thì nghi lễ cưới hỏi và cấu trúc gia đình chính là nơi những quy tắc ấy được hiện thực hóa trong đời sống cộng đồng. Trong cấu trúc hôn nhân mẫu hệ truyền thống của người Raglai, được ghi nhận qua tư liệu dân tộc học và lời kể của các vị cao niên tại các địa điểm nghiên cứu, hôn nhân không chỉ gắn kết hai cá nhân mà còn là nghi thức thiêng liêng khẳng định mối quan hệ giữa hai dòng họ và buôn làng.

Theo tập quán truyền thống, gia đình người Raglai được tổ chức theo dòng mẹ và cư trú bên vợ. Sau kết hôn, người chồng về ở rể và trở thành thành viên của dòng họ vợ; con cái mang họ mẹ, thờ cúng tổ tiên bên ngoại, và tài sản chủ yếu truyền cho con gái – thường là con út, người chịu trách nhiệm thờ cúng tổ tiên và phụng dưỡng cha mẹ. Trước đây, người phụ nữ lớn tuổi nhất trong gia đình là người quyết định các việc quan trọng như cưới gả, chia của và tổ chức nghi lễ; trong khi đó, nam giới, dù là trụ cột lao động, vẫn được xem là “thành viên hỗ trợ”, đảm nhiệm nghĩa vụ kinh tế và bảo vệ danh dự cho gia đình vợ (PVS. ông Cao X., 78 tuổi, già làng Khánh Bình, xã Khánh Vĩnh).

Tuy vậy, so với các tộc người mẫu hệ khác như Êđê hay Mnông – nơi tài sản hoàn toàn thuộc phụ nữ và đàn ông không giữ vai trò nghi lễ trung tâm (Trương Bi, 2007) – thì ở người Raglai được mô tả dung hòa hơn. Phụ nữ nắm quyền huyết thống và tài sản, song nam giới vẫn giữ vị thế biểu trưng trong nghi lễ, phản ánh sự phân bổ quyền lực giới không mang tính tuyệt đối trong cấu trúc hôn nhân mẫu hệ truyền thống.

Hôn lễ Raglai là một thiết chế xã hội - văn hóa truyền thống, phản ánh kiểu mẫu thân tộc mẫu hệ với sự hiện diện của các yếu tố phụ hệ trong thực hành hôn nhân. Hôn lễ gồm các giai đoạn cơ bản như dạm ngõ, hỏi cưới, lễ cưới và lễ lại mặt; trong đó nhà gái giữ vai trò chủ động trong việc chuẩn bị sính lễ, tổ chức hôn sự và cư trú hậu hôn, còn nhà trai thực hiện nghi lễ ‘trình mặt’ nhằm khẳng định danh dự và năng lực của người đàn ông.

Trong nghi lễ cưới hỏi truyền thống, vai trò của phụ nữ và dòng họ mẹ được đặt ở vị trí trung tâm, thể hiện rõ qua việc tiếp khách, trao lễ vật và đặc biệt là sự chứng giám của người cậu (anh hoặc em trai của mẹ cô dâu) – đại diện cho dòng họ mẹ. Các nghi thức mang tính biểu trưng như buộc chỉ cổ tay, uống rượu cần chung và trao vòng cưới mang ý nghĩa thiêng liêng, xác lập mối ràng buộc thân tộc hợp pháp giữa hai dòng họ mẹ, hơn là quan hệ cá nhân giữa cô dâu và chú rể. Trong thực hành hiện nay, một số nghi thức có thể được giản lược, song

ý nghĩa biểu trưng của các lễ vật này vẫn được cộng đồng nhấn mạnh trong diễn ngôn về hôn nhân.

Lễ cưới thường được mô tả như một sự kiện cộng đồng, trong đó sau phần nghi thức là các hoạt động vui chơi mừng cho cô dâu, chú rể và hai dòng họ. Người già hát kể chuyện cổ, thanh niên múa hát đối đáp, đánh mã la – qua đó hôn nhân trở thành dịp củng cố tinh thần đoàn kết và trao truyền tri thức văn hóa. Cấu trúc gia đình và nghi lễ hôn nhân như vậy phản ánh chức năng xã hội của chế độ mẫu hệ truyền thống: duy trì trật tự thân tộc, gắn kết cộng đồng và đề cao vai trò tổ chức của phụ nữ.

Tuy nhiên, như đã phân tích, ngay trong khuôn mẫu truyền thống này đã tồn tại các yếu tố linh hoạt: nam giới được quyền tìm hiểu bạn đời, nhà trai chuẩn bị sính lễ và phụ nữ có thể tái giá. Những đặc điểm này, được ghi nhận trong mô tả truyền thống và lời kể của người dân, cho thấy cấu trúc hôn nhân Raglai không mang tính đóng kín, mà hàm chứa khả năng điều chỉnh nội sinh.

Những mô tả trên phản ánh cấu trúc hôn nhân mẫu hệ truyền thống của người Raglai; các biến đổi trong thực hành nghi lễ, vai trò giới và tổ chức gia đình trong bối cảnh hiện nay sẽ được phân tích ở mục tiếp theo.

### **3.2. Biến đổi trong hôn nhân hiện nay**

Những biến chuyển kinh tế - xã hội trong hơn ba thập niên gần đây, đặc biệt là quá trình hội nhập, đô thị hóa

và tiếp xúc văn hóa với nhiều tộc người, nhất là với người Kinh, đã tác động mạnh đến đời sống xã hội người Raglai. Một trong những biểu hiện rõ nét nhất của sự thay đổi này chính là biến đổi trong quan niệm và nghi lễ hôn nhân, nơi những yếu tố mẫu hệ truyền thống dần dung hòa với các yếu tố phụ hệ, hình thành cấu trúc hôn nhân mang tính “lưỡng hợp” – vừa bảo lưu giá trị cũ, vừa tiếp nhận những yếu tố mới phù hợp với đời sống hiện đại.

#### **3.2.1. Biến đổi trong quan niệm và tiêu chí chọn bạn đời**

Trong xã hội Raglai truyền thống, hôn nhân được tổ chức theo chế độ cư trú bên vợ, trong đó người đàn ông sau kết hôn chuyển sang sinh sống và thực hiện nghĩa vụ lao động, xã hội trong gia đình dòng họ vợ. Cách tổ chức này phản ánh cấu trúc thân tộc mẫu hệ, nơi quyền lực nghi lễ và huyết thống gắn với dòng họ mẹ (xem thêm: Jacques Dournes, 1953; Phan Hữu Dật, 2003).

Tuy nhiên, ngay trong khuôn mẫu truyền thống này, quyền lực giới không vận hành theo kiểu loại trừ, mà tồn tại dưới dạng mẫu hệ mềm, cho phép nam giới duy trì vai trò nhất định thông qua lao động, danh dự và quan hệ xã hội. Chính cấu trúc linh hoạt này tạo tiền đề cho các biến đổi sau này khi xã hội Raglai chịu tác động của những yếu tố ngoại sinh.

Trong khoảng hai thập niên trở lại đây, cùng với quá trình phổ cập giáo dục, mở rộng giao lưu liên vùng, di cư lao

động và tác động của chính sách quản lý xã hội của Nhà nước, quan niệm về hôn nhân của người Raglai đã có sự chuyển dịch rõ rệt. Kết quả điền dã tại các xã Raglai thuộc huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh (tỉnh Khánh Hòa) trong giai đoạn 2023-2024 – là những địa bàn có tỷ lệ cư trú Raglai cao, đại diện cho cả khu vực miền núi sâu và vùng tiếp giáp đồng bằng – cho thấy hôn nhân hiện nay chủ yếu hình thành trên cơ sở tình yêu tự nguyện và lựa chọn cá nhân.

Ngoại trừ một số người Raglai Nam (như ở xã Thuận Bắc, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận) còn duy trì tục icap taloi (đính ước do gia đình sắp đặt), phần lớn thanh niên Raglai được tự do lựa chọn bạn đời. *“Trước kia, chuyện cưới xin phần lớn do cha mẹ quyết định, trai gái chỉ nghe theo. Nay thanh niên Raglai đi học, đi làm xa, quen biết nhiều, họ tự chọn người mình thương; cha mẹ ít khi can thiệp nếu đôi bên tự nguyện”* (PVS. ông Mấu T., 49 tuổi, cán bộ xã Khánh Sơn).

Sự chuyển biến này cho thấy quyền quyết định hôn nhân đã dịch chuyển từ dòng họ sang cá nhân, phản ánh xu hướng cá nhân hóa trong bối cảnh hiện đại hóa – một cơ chế biến đổi phổ biến được ghi nhận trong nhiều xã hội thân tộc truyền thống.

Cùng với sự thay đổi quan niệm hôn nhân, cấu trúc quyền lực giới trong gia đình Raglai cũng có sự điều chỉnh hiện nay, vai trò của nam giới được

củng cố rõ hơn trong các quyết định kinh tế, giáo dục con cái và quan hệ với gia đình bên cha.

*“Ngày xưa tôi đi lấy vợ, cha mẹ tôi già yếu mà tôi không giúp được vì phải ở bên nhà vợ. Nay con trai tôi dù sống bên nhà vợ nhưng vẫn có thể về phụ giúp cha mẹ làm rẫy”* (PVS. ông Cao N., 78 tuổi, xã Khánh Sơn).

Sự dịch chuyển từ hình thức luật tục mẫu hệ nghi lễ sang xu hướng song hệ - lưỡng hợp, trong đó quan hệ với cả hai bên cha và mẹ đều được duy trì. Khi luật tục suy yếu, quyền lực gia đình không còn tập trung tuyệt đối ở dòng họ mẹ, mà được tái phân bổ giữa vợ chồng, với nam giới ngày càng có tiếng nói rõ rệt hơn trong thực hành đời sống.

Sự thay đổi trong cấu trúc quyền lực gia đình kéo theo sự điều chỉnh các tiêu chí chọn bạn đời. Trong xã hội truyền thống, những tiêu chí như sức khỏe, khả năng lao động và sự cần cù được đặt lên hàng đầu, phù hợp với nền kinh tế nương rẫy. Hiện nay, các tiêu chí này dần nhường chỗ cho học vấn, nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức và khả năng thích ứng xã hội.

*“Giờ tụi em chọn người biết làm ăn, biết cư xử, có học chút cũng tốt, nhưng hợp tính là quan trọng nhất”* (PVS. chị Cao Thị M., 23 tuổi, xã Khánh Vĩnh).

Nhìn từ góc độ giới, những tiêu chí mới này vừa mở rộng, vừa đặt ra những ràng buộc mới đối với phụ nữ. Mặt khác, quyền tự chủ trong lựa

chọn bạn đời của phụ nữ Raglai được nâng cao rõ rệt; mặt khác, áp lực về kinh tế và vị thế xã hội cũng gia tăng, đặc biệt khi điều kiện vật chất trở thành yếu tố cân nhắc quan trọng trong hôn nhân.

Độ tuổi kết hôn của người Raglai hiện nay tăng so với trước đây (khoảng 18-19 tuổi đối với nữ và 21-22 tuổi đối với nam), phản ánh tác động của học tập kéo dài và lao động di cư. Đồng thời, tỷ lệ ly hôn bắt đầu xuất hiện, cho thấy sự suy giảm vai trò điều tiết của cộng đồng và luật tục truyền thống.

*“Bây giờ một số gia đình chọn vợ, chọn chồng cho con dựa nhiều vào nhà ai khá giả hơn. Có trường hợp cưới rồi không hạnh phúc, dẫn đến ly hôn; riêng năm 2024 xã đã có ba cặp ly hôn – điều mà chục năm trước rất hiếm”* (PVS. ông C.T., 49 tuổi, cán bộ xã Khánh Sơn).

Những biến đổi này cho thấy hôn nhân Raglai đang chuyển từ khuôn mẫu cộng đồng - huyết tộc sang cá nhân - xã hội, trong đó các yếu tố mẫu hệ truyền thống không mất đi hoàn toàn mà tái cấu trúc trong bối cảnh hiện đại, tạo nên mô hình thân tộc mang tính linh hoạt và lưỡng hợp.

### **3.2.2. Biến đổi trong luật tục và vai trò giới trong hôn nhân**

**Biến đổi luật tục:** So với các quy định nghiêm ngặt trong hôn nhân truyền thống, những năm gần đây, luật tục hôn nhân của người Raglai đã có nhiều thay đổi nhằm thích ứng với điều kiện xã hội mới. Cùng với quá

trình giao lưu và hiện đại hóa, luật tục hôn nhân Raglai đang dần nói lỏng. *“Trước đây, nếu trai gái cùng họ chưa quá bảy đời mà lỡ yêu nhau thì phải bỏ. Nay thì chỉ cấm cưới cùng họ chưa quá ba đời thôi”* (PVS. ông Cao. L., 70 tuổi, làng Sơn Trung, xã Khánh Vĩnh).

Tuy nhiên, mức độ biến đổi này không diễn ra đồng đều giữa các nhóm thế hệ và không gian cư trú. Kết quả điền dã tại các xã Raglai thuộc Khánh Sơn và Khánh Vĩnh (2023-2024) cho thấy, những điều chỉnh trong luật tục chủ yếu được thúc đẩy từ thế hệ trẻ và các hộ gia đình có mức độ tiếp xúc cao với giáo dục, lao động di cư và hệ thống quản lý nhà nước, trong khi người cao niên vẫn giữ vai trò bảo lưu các chuẩn mực truyền thống.

Luật tục vì vậy vẫn tồn tại như một khung tham chiếu đạo lý, nhưng không còn giữ vai trò cưỡng chế tuyệt đối như trước. Những quy định liên quan đến cư trú và tổ chức hôn lễ được linh hoạt hóa thông qua thương lượng giữa hai bên gia đình. *“Giờ con trai lấy vợ thì cũng có thể ở riêng, không nhất thiết phải sống cùng nhà vợ. Hai bên cha mẹ thường bàn với nhau cho thuận tiện làm ăn”* (PVS. bà Mầu Thị H., 54 tuổi, xã Khánh Sơn).

Điều này cho thấy, chủ thể thực thi và điều chỉnh luật tục đã dịch chuyển: từ cộng đồng và người cậu bên mẹ sang gia đình hạt nhân và cá nhân các cặp vợ chồng, với sự tham chiếu song song tới pháp luật nhà nước.

*Biến đổi vai trò giới:* Trong bối cảnh luật tục suy yếu về tính cưỡng chế, quan hệ giới trong hôn nhân Raglai cũng được tái cấu trúc theo hướng thương lượng. Tuy nhiên, sự thay đổi này không đồng nghĩa với sự đảo chiều hoàn toàn quyền lực giới, mà thể hiện qua sự phân tách tương đối giữa các lĩnh vực quyết định.

Dữ liệu điền dã cho thấy, phụ nữ Raglai giữ vai trò trung tâm trong nghi lễ và quan hệ thân tộc, trong khi nam giới ngày càng có tiếng nói trong các quyết định kinh tế, cư trú và giáo dục con cái. *“Trước kia, phụ nữ Raglai là người quyết định mọi việc trong gia đình, nhưng giờ đàn ông cũng có tiếng nói. Những việc lớn trong nhà như làm ăn, cưới hỏi, học hành của con cái đều được bàn bạc chung”* (PVS. ông Cao Văn T., 58 tuổi, xã Khánh Vĩnh).

Hiện nay, hôn nhân của người Raglai hiện phụ thuộc vào bối cảnh và loại quyết định, phản ánh sự chuyển dịch từ mẫu hệ chi phối sang phân quyền giới linh hoạt. Hình thức hôn nhân lưỡng hợp biểu hiện qua cư trú linh hoạt, quyết định song phương và sự tách biệt tương đối giữa quyền lực nghi lễ và quyền lực thực hành.

### **3.2.3. Biến đổi trong nghi lễ cưới hỏi và cấu trúc gia đình**

Dữ liệu điền dã tại các xã Khánh Sơn và Khánh Vĩnh (2023-2024) cho thấy, mặc dù nhà gái chủ động tổ chức cưới hỏi và đón rể; tuy nhiên, người đàn ông đã có thể chủ động tìm hiểu, dạm hỏi và chuẩn bị lễ vật,...; nghi lễ

hôn vẫn được duy trì nhưng đã giản lược, linh hoạt hơn; lễ vật phụ thuộc vào điều kiện kinh tế và sự thỏa thuận giữa hai gia đình, với tiền mặt hoặc vàng bạc dần thay thế hiện vật truyền thống (PVS. bà Cao Thị M., 78 tuổi, xã Khánh Vĩnh). Tại làng Khánh Trung, xã Khánh Vĩnh trang phục cưới thổ cẩm truyền thống thường được thay bằng áo cưới hiện đại; nhiều đám cưới tổ chức nghi lễ truyền thống tại nhà, sau đó đãi tiệc tại nhà hàng theo hình thức phổ biến của người Kinh (PVS. cô Cao Thị T., 27 tuổi, cán bộ xã Khánh Vĩnh).

Trong đời sống hôn nhân hiện nay, người Raglai vẫn bảo lưu các giá trị truyền thống như sự chung thủy và gắn bó cộng đồng, song quan niệm về vai trò giới đã thay đổi rõ rệt. Người chồng không còn bị nhìn nhận như “bán mình ở rể”, mà được xem là người cùng chia sẻ trách nhiệm kinh tế và giáo dục con cái trong gia đình hạt nhân, *“Giờ vợ chồng cùng làm ăn, cùng lo cho con, những việc lớn trong nhà thường cùng nhau bàn”* (PVS. bà Máu Thị H., 54 tuổi, xã Khánh Sơn). Tuy vậy, quan hệ họ hàng theo dòng mẹ và vai trò của phụ nữ trong nghi lễ, thờ cúng vẫn được duy trì, phản ánh sự bảo lưu những yếu tố cốt lõi của mẫu hệ.

Bên cạnh đó, ly hôn và tái hôn hiện được nhìn nhận cởi mở hơn, đặc biệt đối với phụ nữ, cho thấy sự mở rộng quyền tự chủ cá nhân. Các cuộc hôn nhân hỗn hợp giữa người Raglai và các tộc người khác cũng gia tăng,

hình thành những gia đình song văn hóa, trong đó nghi lễ cúng tổ tiên và tiếng mẹ đẻ vẫn được duy trì, còn sinh hoạt gia đình và tổ chức hôn nhân lại gần với người Kinh (PVS. cô Cao Thị T., 27 tuổi, xã Khánh Vĩnh).

Nhìn chung, những biến đổi này phản ánh quá trình “lưỡng hợp hóa” hôn nhân Raglai, trong đó các yếu tố mẫu hệ không mất đi mà tái cấu trúc trong mô hình song quyền. Phụ nữ tiếp tục giữ vị thế trung tâm về nghi lễ và quan hệ thân tộc, trong khi vai trò của nam giới ngày càng rõ hơn trong kinh tế và quyết định gia đình, qua đó cho thấy sự dung hòa linh hoạt giữa truyền thống và hiện đại trong cấu trúc hôn nhân Raglai đương đại.

### **3.3. Từ mẫu hệ đến lưỡng hợp: hướng chuyển đổi của hôn nhân Raglai**

Những biến đổi trong quan niệm chọn bạn đời và nghi lễ cho thấy hôn nhân của người Raglai đang vận động theo hướng dung hòa giữa truyền thống và hiện đại, song không diễn ra đồng đều mà rõ nét hơn ở giới trẻ và các hộ gia đình kết hôn khác dân tộc, có mức độ tiếp xúc cao với giáo dục và lao động ngoài nông nghiệp. Một cán bộ địa phương nhận xét: *“Người lớn tuổi vẫn muốn giữ nếp cũ, nhưng lớp trẻ thì sống khác, họ bàn bạc với nhau nhiều hơn”* (PVS. ông Cao T., 49 tuổi, xã Khánh Sơn).

Nếu trước đây hôn nhân của người Raglai chủ yếu trên nền tảng mẫu hệ (nhấn mạnh vai trò trung tâm của phụ nữ và huyết thống dòng mẹ) thì hiện

nay, dưới tác động của các yếu tố ngoại sinh, cấu trúc này đang từng bước chuyển sang dạng lưỡng hợp - song quyền. Trước hết, kinh tế thị trường và luân chuyển lao động làm suy giảm tính phụ thuộc của người đàn ông vào gia đình bên vợ, đồng thời gia tăng vai trò của họ trong kinh tế hộ gia đình; nhiều cặp vợ chồng trẻ lựa chọn ở riêng để “dễ làm ăn” (PVS. bà Mầu Thị H., 54 tuổi, xã Khánh Sơn).

Bên cạnh đó, chính sách nhà nước và pháp luật về hôn nhân - gia đình đang từng bước thay thế vai trò cưỡng chế của luật tục, khiến các quyết định hôn nhân dịch chuyển từ cộng đồng sang cá nhân và gia đình hạt nhân. Việc đăng ký kết hôn và giải quyết ly hôn thông qua chính quyền ngày càng phổ biến, đặc biệt ở các cặp vợ chồng trẻ: *“Trước đây, già làng và trưởng tộc sẽ phân xử chuyện ly hôn, nay vợ chồng trẻ thường nhờ chính quyền giải quyết”* (PVS. ông Mầu Văn T., 47 tuổi, cán bộ xã Khánh Sơn).

Trong bối cảnh hiện nay, hôn nhân Raglai không còn phụ thuộc hoàn toàn vào dòng mẹ mà vận hành theo hình thức tương hỗ giữa hai họ tộc; phụ nữ vẫn giữ vai trò biểu trưng trong nghi lễ, trong khi nam giới ngày càng khẳng định vai trò trong kinh tế và quyết định gia đình, qua đó hình thành mô hình hôn nhân lưỡng hợp phù hợp với đời sống đương đại.

Ở chiều sâu văn hóa - xã hội, sự chuyển dịch từ hôn nhân mẫu hệ sang hôn nhân lưỡng hợp phản ánh khả năng thích ứng linh hoạt của người

Raglai trước các tác động từ kinh tế thị trường, giáo dục và giao lưu văn hóa. Những điều chỉnh trong nghi lễ cưới hỏi và cấu trúc gia đình cho thấy sự dung hòa giữa yếu tố mẫu hệ và phụ hệ: dòng họ mẹ và vai trò nghi lễ của phụ nữ vẫn được duy trì, trong khi vai trò kinh tế và quyền quyết định của nam giới ngày càng rõ nét. Dưới góc nhìn cấu trúc - chức năng, đây là quá trình tự điều chỉnh của hệ thống xã hội nhằm bảo lưu các giá trị cốt lõi đồng thời thích nghi với các chuẩn mực hiện đại. Sự chuyển đổi này không phải là đứt gãy, mà là sự tái cấu trúc từ bên trong, phản ánh năng lực dung hòa giữa truyền thống và hiện đại trong đời sống văn hóa Raglai đương đại. Đây là nền tảng quan trọng để nhận diện những biến đổi sâu sắc trong cấu trúc gia đình và đời sống văn hóa Raglai hiện nay.

#### 4. KẾT LUẬN

Sự chuyển dịch từ hôn nhân mẫu hệ truyền thống sang xu hướng lưỡng hợp ở người Raglai phản ánh quá trình thích ứng văn hóa trước những biến động kinh tế - xã hội đương đại. Quá trình này không diễn ra đột ngột hay mang tính đứt gãy, mà hình thành từ sự tương tác giữa các tác động bên ngoài (thị trường, giáo dục, giao lưu văn hóa) với những điều kiện nội sinh trong cấu trúc mẫu hệ ở người

Raglai. Những biến đổi trong nghi lễ cưới hỏi, cấu trúc gia đình và vai trò giới cho thấy các yếu tố mẫu hệ vẫn được duy trì, nhưng được điều chỉnh theo hướng chia sẻ hơn về trách nhiệm và quyền quyết định giữa hai giới.

Kết quả nghiên cứu góp phần làm sáng tỏ cơ chế vận động của hôn nhân trong xã hội mẫu hệ của người Raglai, đồng thời gợi mở việc nhận diện “hôn nhân lưỡng hợp” như một hướng phát triển đặc thù trong bối cảnh hiện đại hóa. Dưới góc nhìn nhân học, mô hình này cho thấy văn hóa người Raglai có khả năng thích ứng linh hoạt: các giá trị truyền thống không mất đi, mà được tái tạo và lồng ghép vào một khung vận hành mới phù hợp với đời sống đương đại.

Những phát hiện trên có ý nghĩa thực tiễn đối với hoạch định chính sách văn hóa và chính sách về giới, đồng thời cung cấp cơ sở tham chiếu cho việc xây dựng các chương trình bảo tồn văn hóa tộc người phù hợp với đặc trưng thân tộc và mô hình hôn nhân mẫu hệ - lưỡng hợp của người Raglai trong bối cảnh đương đại. Những phân tích này cũng góp phần nhận diện rõ hơn động lực của quá trình ‘lưỡng hợp hóa’ và những tác động của nó đối với đời sống văn hóa - xã hội của người Raglai. □

#### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Condominas, G. 2020. *Chúng tôi ăn rừng*. Người dịch: Trần Thị Lan Anh, Phan Ngọc Hà, Trịnh Thu Hồng, Nguyễn Thu Phương. Hà Nội: Nxb. Thế giới.

2. Dournes, J. 2006. *Potao: Một huyền thoại của người Churu*. TPHCM: Nxb. Trẻ.
3. Dournes, J. 1953. *Le maître des eaux: Légende montagnarde sré* (dịch từ Srê). *France-Asie* (Saigon), pp. 25-29.
4. Engels, F. 1884. *The Origin of the Family, Private Property and the State*. Hottingen.
5. Firth, R. 1965. *Primitive Polynesian Economy*. Routledge.
6. Goody, J. 1971. *Kinship*. Penguin Books.
7. Lê Văn Kỳ (chủ biên). 2007. *Phong tục tập quán cổ truyền một số dân tộc thiểu số ở Nam Tây Nguyên*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
8. Lévi-Strauss, C. 1969. *The Elementary Structures of Kinship*. Beacon Press.
9. Malinowski, B. 1929. *The Sexual Life of Savages in North-Western Melanesia: An Ethnographic Account of Courtship, Marriage, and Family Life among the Natives of the Trobriand Islands, British New Guinea*. London: George Routledge & Sons.
10. Murdock. 1967. *Ethnographic Atlas*. Pittsburgh, PA: University of Pittsburgh Press.
11. Ngô Văn Doanh. 2001. “Lễ bỏ mả của người Raglai (tỉnh Ninh Thuận) với truyền thống tang ma của các dân tộc Tây Nguyên”. *Tạp chí Nghiên cứu Văn hoá Dân gian*.
12. Nguyễn Thế Sang. 2005. *Luật tục Raglai*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
13. Nguyễn Văn Thắng. 2017. “Chế độ gia đình mẫu hệ ở Tây Nguyên và vai trò của người phụ nữ trong xã hội”. *Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội*, số 3, tr. 42-48.
14. Phan Đăng Nhật (chủ biên). 2003. *Luật tục Chăm và luật tục Raglai*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
15. Phan Hữu Dật. 2003. Về mối quan hệ giữa dân tộc học và nhân học. Trong Khổng Diễn - Bùi Minh Đạo (chủ biên). *Dân tộc học Việt Nam thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
16. Phan Quốc Anh. 2007. *Văn hóa Raglai những gì còn lại*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
17. Phan Quốc Anh. 2010. *Nghi lễ vòng đời của người Chăm Ahiêr ở Ninh Thuận*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
18. Radcliffe-Brown, A.R. 1952. *Structure and Function in Primitive Society*. Cohen and West.
19. Trần Dũng. 2011. “Nghi lễ bỏ mả của người Raglai ở xã Cam Thịnh Tây, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa”. *Tạp chí Dân tộc học*, số 6, tr. 39-45.
20. Trương Bi (chủ biên). 2007. *Văn hóa mẫu hệ Mnông*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
21. Vũ Lợi. 1992. “Các nguyên tắc và hình thức hôn nhân truyền thống ở các tộc người Malayopolynêxia Trường Sơn - Tây Nguyên”. *Tạp chí Dân tộc học*, số 4, tr. 55-63.